

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ NINH BÌNH
TỈNH NINH BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2016/KDTM-ST
Ngày 21 tháng 12 năm 2016
V/v tranh chấp về hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ NINH BÌNH – TỈNH NINH BÌNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phụng.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Hoàng Văn Bình;
2. Bà Bùi Thị Khánh.

Thư ký phiên tòa: bà Bùi Thị Lan Hương – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Ninh Bình tham gia phiên tòa: bà Đoàn Thị Thúy Ngân – kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 12 năm 2016, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Ninh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 18/2016/TLST-KDTM ngày 29 tháng 4 năm 2016 về tranh chấp hợp đồng tín dụng, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2016/QĐST-KDTM ngày 23 tháng 8 năm 2016 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP G Việt Nam; địa chỉ: tháp N, quận X, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: ông Vũ T- chức vụ: Tổng giám đốc Ngân hàng TMCP G Việt Nam.

Ngân hàng TMCP G Việt Nam - Chi nhánh Ninh Bình; địa chỉ: đường P, phường Đ, thành phố N, tỉnh Ninh Bình.

Người đại diện theo ủy quyền: bà Lê B – chức vụ: Giám đốc Chi nhánh Ninh Bình. (Văn bản ủy quyền ngày 05/11/2015 và văn bản ủy quyền ngày 28/10/2016).

Người đại diện theo ủy quyền lại: ông Đinh K – chức vụ: Trưởng phòng khách hàng – Chi nhánh Ninh Bình. (Văn bản ủy quyền ngày 08/3/2016 và ngày 28/10/2016).

Bị đơn: Công ty TNHH A.

Địa chỉ: đường N, phố H, phường Đ, thành phố N, tỉnh Ninh Bình.

Người đại diện theo pháp luật: ông Vũ D – chức vụ: Giám đốc.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông Vũ D, sinh năm 1967 và bà Nguyễn L, sinh năm 1966;

Địa chỉ: đường N, phố H, phường Đ, thành phố N, tỉnh Ninh Bình.

- Ông Nguyễn M, sinh năm 1955 và bà Trần T, sinh năm 1971.

Trú tại: thôn Đ, xã P, thành phố N, tỉnh Ninh Bình.

-Anh Nguyễn Thế A, sinh năm 1991 và chị Lê Thị T, sinh năm 1992.

-Chị Nguyễn Thị K, sinh năm 1989 và anh Đinh Đ, sinh năm 1986.

Đều trú tại: Trú tại: thôn Đ, xã P, thành phố N, tỉnh Ninh Bình.

* Người đại diện theo uỷ quyền của bà Trần T, anh Nguyễn Thế A, chị Lê Thị T, chị Nguyễn Thị K, anh Đinh Đ: Ông Nguyễn M, sinh năm 1955; trú tại: thôn Đ, xã P, thành phố N, tỉnh Ninh Bình. (Văn bản uỷ quyền ngày 30/6/2016 của bà Trần T; văn bản uỷ quyền ngày 11/7/2016 của anh Nguyễn Thế A, chị Lê Thị T, chị Nguyễn Thị K, anh Đinh Đ).

Tại phiên tòa: ông Đinh K, ông Nguyễn M có mặt; ông Vũ D, bà Nguyễn L vắng mặt nhưng đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NHẬN THẤY:

Trong đơn khởi kiện; bản tự khai; tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; đơn đề nghị; đơn trình bày và tại phiên tòa, người đại diện của Ngân hàng TMCP G Việt Nam trình bày:

Ngân hàng TMCP G Việt Nam (sau đây viết tắt là Ngân hàng) và Công ty TNHH A (sau đây viết tắt là Công ty A) đã ký hợp đồng tín dụng hạn mức số 20815/14/3861100/HĐTD ngày 10/7/2014, mục đích vay: trả tiền mua xăng dầu kinh doanh. Đính kèm hợp đồng tín dụng hạn mức là 02 Giấy đề nghị giải ngân kèm hợp đồng tín dụng cụ thể.

Thực hiện hợp đồng, Ngân hàng đã giải ngân cho Công ty A vay số tiền 250.000.000 đồng vào ngày 26/11/2014. Khoản vay trên đã chuyển nợ quá hạn từ ngày 27/4/2015.

Ngày 29/12/2014, Ngân hàng đã giải ngân cho Công ty A vay số tiền 1.300.000.000 đồng. Khoản vay trên đã chuyển nợ quá hạn từ ngày 30/5/2015.

Khoản tiền vay trong hợp đồng tín dụng nêu trên được bảo đảm bằng tài sản sau:

- Tài sản của ông Vũ D và bà Nguyễn L gồm:

+ Nhà ở và quyền sử dụng 159,6m² đất, tại thửa đất số 01, tờ bản đồ số 02, địa chỉ thửa đất: phố T, phường Đ, thành phố N, tỉnh Ninh Bình. Đất đã được UBND thành phố N cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BO 042740 ngày 08/3/2013 mang tên ông Vũ D và bà Nguyễn L.

+ 01 xe ô tô con 8 chỗ ngồi, nhãn hiệu TOYOTA, biển kiểm soát 35A-013.19, mang tên ông Vũ D.

- Ngoài ra, đối với khoản vay trong hợp đồng tín dụng nêu trên được bảo đảm bằng tài sản của ông Nguyễn M và bà Trần T là: nhà ở và quyền sử dụng 1.760m² đất, tại thửa đất số 140, tờ bản đồ số 06, địa chỉ thửa đất: thôn Đ, xã P, thành phố N, tỉnh Ninh Bình. Đất đã được UBND thành phố N cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Đ 127890 ngày 23/9/2004 mang tên hộ ông Nguyễn M và bà Trần T.

Hợp đồng thế chấp bảo đảm tài sản nêu trên đều được công chứng và đăng ký giao dịch bảo đảm hợp pháp.

Quá trình kiểm tra thấy Công ty A đã sử dụng vốn vay để kinh doanh xăng dầu là đúng. Nhưng do tình hình kinh doanh không thuận lợi, Công ty A gặp khó khăn trong khâu bán hàng dẫn đến không thể trả nợ Ngân hàng theo đúng cam kết. Đến hạn thanh toán, Công ty A không thanh toán được nợ theo hợp đồng tín dụng. Nay Ngân hàng đề nghị Tòa án buộc Công ty A trả nợ cả gốc và lãi cho Ngân hàng tính đến ngày 20/12/2016 là 1.833.852.779 đồng (trong đó: số tiền nợ gốc là 1.550.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 190.548.612 đồng, nợ lãi quá hạn là 93.304.167đồng). Kể từ ngày 21/12/2016, Công ty A còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng thì lãi suất mà Công ty A phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng. Trường hợp Công ty A không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng thì Ngân hàng được quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền xử lý toàn bộ các tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

Tại bản tự khai, tại đơn đề nghị xét xử vắng mặt, ông Vũ D là người đại diện theo pháp luật của bị đơn, đồng thời là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:

Ngày 26/11/2014, Công ty A vay vốn tại Ngân hàng số tiền 250.000.000 đồng. Ngày 29/12/2014, Công ty A vay vốn tại Ngân hàng số tiền 1.300.000.000 đồng. Thời hạn vay 5 tháng, lãi trả theo tháng. Mục đích vay vốn: kinh doanh xăng dầu.

Về tài sản thế chấp đảm bảo khoản tiền vay như sau:

+ Ông và bà Nguyễn L đã ký hợp đồng thế chấp bất động sản số 20028/13/HĐ ngày 14/3/2013 với bên nhận thế chấp là Ngân hàng. Ông và bà L đồng ý thế chấp quyền sử dụng 159,6m² đất ở, tại thửa đất số 01, tờ bản đồ số 02, địa chỉ thửa đất: phố T, phường Đ, thành phố N, tỉnh Ninh Bình và 01 ngôi nhà cùng công trình phụ nằm trên thửa đất.

+ Mặt khác, ông và bà L đã ký hợp đồng thế chấp bằng tài sản của bên thứ ba số 20071/14/3861100/HĐBĐ ngày 14/5/2014 với bên nhận thế chấp là Ngân hàng. Ông và bà L đồng ý thế chấp 01 xe ô tô con 8 chỗ ngồi, biển kiểm soát 35A-013.19, nhãn hiệu TOYOTA mang tên Vũ D để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ dân sự của Công ty A đối với Ngân hàng.

Việc ký 02 hợp đồng thế chấp nêu trên là do ông và bà L tự nguyện, không bị ai ép buộc, lừa dối, đe dọa. Về nguồn gốc các tài sản thế chấp: là tài sản chung của vợ chồng ông và bà L tạo lập nên, không có liên quan đến ai.

+ Ngoài ra, để đảm bảo nghĩa vụ vay vốn của Công ty A tại Ngân hàng; vợ chồng ông Nguyễn M và bà Trần T đã thế chấp tài sản là nhà, quyền sử dụng đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Đ127890 tại địa chỉ thôn Đ, xã P, thành phố N, tỉnh Ninh Bình.

Hiện nay, do làm ăn kinh tế của Công ty A gặp nhiều khó khăn dẫn đến không có tiền trả nợ Ngân hàng. Công ty A ký hợp đồng tín dụng vay vốn của Ngân hàng thì Công ty A có trách nhiệm trả tiền cho Ngân hàng. Nếu Công ty A không trả được nợ thì ông nhất trí dùng tài sản của ông và bà L đã thế chấp tại Ngân hàng để Ngân hàng xử lý tài sản thế chấp theo quy định trong hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp bất động sản để Ngân hàng thu hồi số nợ. Do đó đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: ông nhất trí toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Tại bản tự khai; tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bà Nguyễn L là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:

Ông Vũ D và bà đã ký hợp đồng thế chấp bất động sản số 20028/13/HĐ ngày 14/3/2013 với bên nhận thế chấp là Ngân hàng. Ông D và bà đồng ý thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất mang tên vợ chồng bà để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ dân sự của Công ty A đối với Ngân hàng.

Ngoài ra, bà và ông D đã ký hợp đồng thế chấp bằng tài sản của bên thứ ba số 20071/14/3861100/HĐBĐ ngày 14/5/2014 với bên nhận thế chấp là Ngân hàng. Ông D và bà đồng ý thế chấp 01 xe ô tô con 8 chỗ ngồi, biển kiểm soát 35A-013.19, nhãn hiệu TOYOTA mang tên Vũ D để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ dân sự của Công ty A đối với Ngân hàng.

Việc ký 02 hợp đồng thế chấp nêu trên là do ông D và bà tự nguyện, không bị ai ép buộc, lừa dối, đe dọa. Về nguồn gốc các tài sản thế chấp: là tài sản chung của bà và ông D tạo lập nên, không có liên quan đến ai. Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Tại bản cam đoan, anh Nguyễn Thế A, chị Lê Thị T, chị Nguyễn Thị K, anh Đinh Đ (đều là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan) trình bày: bản thân không có công sức đóng góp gì vào tài sản mà ông Nguyễn M và bà Trần T đã thế chấp ở Ngân hàng. Về nguồn gốc tài sản là do ông M, bà T tạo lập nên. Vì vậy, đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo đúng quy định của pháp luật.

Tại bản tự khai, bà Trần T (là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan) trình bày: Về nghĩa vụ đảm bảo cho khoản vay của Công ty A là 300.000.000 đồng. Về nguồn gốc tài sản thế chấp là tài sản chung của vợ chồng bà, không có liên quan gì đến các con bà và anh em trong gia đình bà.

Tại bản tự khai; phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, tại phiên tòa, ông Nguyễn M là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, đồng thời là người đại diện theo uỷ quyền của bà Trần T, anh Nguyễn Thế A, chị Lê Thị T, chị Nguyễn Thị K, anh Đinh Đ trình bày:

Vợ chồng ông Nguyễn M và bà Trần T thế chấp tài sản là nhà, quyền sử dụng đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Đ127890 tại địa chỉ thôn Đ, xã P, thành phố N, tỉnh Ninh Bình, để đảm bảo cho khoản vay của Công ty A theo hợp đồng thế chấp bất động sản. Về nguồn gốc thửa đất là tài sản chung của vợ chồng ông và bà Trần T, không có liên quan gì đến các con trong gia đình. Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

*. Tại phiên tòa:

- Ông Đinh K vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

- Ông Nguyễn M đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Ninh Bình phát biểu ý kiến: Về thời hạn chuẩn bị xét xử, gia hạn thời hạn chuẩn bị xét xử, hoãn phiên tòa, tạm ngừng phiên tòa, tạm đình chỉ, tiếp tục giải quyết vụ án cũng như việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người đại diện của nguyên đơn, ông Nguyễn M và vợ con ông M là đúng quy định của pháp luật; ông D, bà L vắng mặt nhưng đã có xin đề nghị xét xử vắng mặt. Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 361, Điều 362, Điều 363, Điều 369, Điều 471, Điều 474, Điều 715, Điều 716, Điều 717, Điều 718, Điều 719, Điều 720 và Điều 721 Bộ luật Dân sự; Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng; Điều 227, Điều 228, Điều 147, Điều 150, khoản 1 Điều 162 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Khoản 2 Điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí. Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng đối với Công ty A. Buộc Công ty A phải trả cho Ngân hàng tổng số tiền tính đến ngày 20/12/2016 là 1.833.852.779 đồng; trong đó, nợ gốc là 1.550.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 190.548.612 đồng, lãi quá hạn là 93.304.167đồng. Kể từ ngày 21/12/2016, Công ty A còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc nêu trên. Trường hợp Công ty A không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng thì Ngân hàng được quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền xử lý toàn bộ các tài sản thế chấp bảo đảm cho khoản vay của Công ty A để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật. Về chi phí giám định: Nguyên đơn không phải chịu chi phí giám định. Công ty A phải chịu 10.885.000 đồng. Công ty A phải

hoàn trả lại cho Ngân hàng TMCP G Việt Nam – Chi nhánh Ninh Bình số tiền 10.885.000 đồng. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Nguyên đơn không phải nộp tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. Công ty A phải nộp án phí kinh doanh thương mại theo quy định của pháp luật.

XÉT THẤY:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng:

Tại phiên tòa ngày 15/9/2016, đại diện Ngân hàng và ông Nguyễn M có mặt; ông Vũ D và bà Nguyễn L (đều là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan) vắng mặt nhưng đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; ông Vũ D với tư cách là người đại diện theo pháp luật của bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ nhất mà vắng mặt, Hội đồng xét xử quyết định hoãn phiên tòa.

Tại phiên tòa ngày 22/9/2016: Ông Trần H là người đại diện theo pháp luật của Ngân hàng đã nghỉ hưu mà chưa có người thay thế. Do đó cần thu thập bổ sung các tài liệu, chứng cứ liên quan đến việc người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn mà nếu không thực hiện thì không thể giải quyết được vụ án và không thể thực hiện được ngay tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử quyết định ngừng phiên tòa.

Tại phiên tòa ngày 28/9/2016: Hết thời hạn tạm ngừng phiên tòa nhưng lý do để ngừng phiên tòa chưa được khắc phục nên Hội đồng xét xử quyết định tạm đình chỉ giải quyết vụ án.

Ngày 05 tháng 12 năm 2016, nguyên đơn đã xuất trình Quyết định số 8695/QĐ ngày 28/10/2016 của ông Vũ T – chức vụ: Tổng giám đốc, là người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn đã ủy quyền cho bà Lê B được đại diện Ngân hàng giải quyết tranh chấp tại cơ quan tiến hành tố tụng và các tài liệu kèm theo nên Hội đồng xét xử quyết định tiếp tục giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa ngày 21/12/2016, đại diện Ngân hàng và ông Nguyễn M có mặt; ông Vũ D và bà Nguyễn L (đều là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan) vắng mặt nhưng đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; ông Vũ D với tư cách là người đại diện theo pháp luật của bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ mà vắng mặt. Căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

Về nội dung vụ án:

Ngày 10/7/2014 Công ty A đã ký với Ngân hàng hợp đồng tín dụng hạn mức số 20815/14/3861100/HĐTD, đính kèm hợp đồng tín dụng hạn mức là 02 Giấy đề nghị giải ngân kèm hợp đồng tín dụng cụ thể:

- Giấy đề nghị giải ngân kèm hợp đồng tín dụng cụ thể số 21244/14/3861100/HĐTD ngày 26/11/2014: Công ty A vay của Ngân hàng số tiền là 250.000.000 đồng; thời hạn vay 5 tháng, tính từ ngày 26/11/2014 đến ngày 26/4/2015; lãi suất trong hạn 7%/năm, lãi suất trên có thể thay đổi khi Ngân hàng

điều chỉnh lãi suất; lãi suất nợ quá hạn là 150% lãi suất trong hạn; lãi suất được trả định kỳ hàng tháng vào ngày 26. Giấy đề nghị giải ngân kèm hợp đồng tín dụng cụ thể này là một bộ phận không thể tách rời hợp đồng tín dụng hạn mức số 20815/14/3861100/HĐTD ngày 10/7/2014. Khoản vay trên đã chuyển nợ quá hạn từ ngày 27/4/2015.

- Giấy đề nghị giải ngân kèm hợp đồng tín dụng cụ thể số 21352/14/3861100/HĐTD ngày 29/12/2014: Công ty A vay của Ngân hàng số tiền là 1.300.000.000 đồng; thời hạn vay 5 tháng, tính từ ngày 29/12/2014 đến ngày 29/5/2015; lãi suất trong hạn 7%/năm, lãi suất trên có thể thay đổi khi Ngân hàng điều chỉnh lãi suất; lãi suất nợ quá hạn là 150% lãi suất trong hạn; lãi suất được trả định kỳ hàng tháng vào ngày 26. Giấy đề nghị giải ngân kèm hợp đồng tín dụng cụ thể này là một bộ phận không thể tách rời hợp đồng tín dụng hạn mức số 20815/14/3861100/HĐTD ngày 10/7/2014. Khoản vay trên đã chuyển nợ quá hạn từ ngày 30/5/2015.

Khoản vay trong hợp đồng tín dụng nêu trên được bảo đảm bằng tài sản của ông Vũ D và bà Nguyễn L gồm: Nhà ở và quyền sử dụng 159,6m² đất, tại thửa đất số 01, tờ bản đồ số 02, địa chỉ thửa đất: phố T, phường Đ, thành phố N, tỉnh Ninh Bình. Đất đã được UBND thành phố N cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BO 042740 ngày 08/3/2013 mang tên ông Vũ D và bà Nguyễn L. Xe ô tô con 8 chỗ, nhãn hiệu TOYOTA, biển kiểm soát 35A-013.19.

Ngoài ra, khoản vay trong hợp đồng tín dụng còn được bảo đảm bằng tài sản của ông Nguyễn M và bà Trần T là nhà ở và quyền sử dụng 1.760m² đất, tại thửa đất số 140, tờ bản đồ số 06, địa chỉ thửa đất: xã P, thành phố N, tỉnh Ninh Bình. Đất đã được UBND thành phố N cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Đ 217890 ngày 23/9/2004 mang tên hộ ông Nguyễn M và bà Trần T.

Sau khi hai bên ký kết hợp đồng tín dụng, Ngân hàng đã giải ngân cho Công ty A. Công ty A đã nhận đủ số tiền vay 1.550.000.000 đồng.

Tại bản tự khai, ông Vũ D thừa nhận khoản tiền Công ty A nợ Ngân hàng cả gốc và lãi như Ngân hàng khởi kiện là đúng.

Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, ông Vũ D không đến Tòa án làm việc nhưng ông D đã gửi qua đường bưu điện bản tự khai và đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Để có căn cứ giải quyết vụ án theo đúng quy định của pháp luật, Tòa án đã tiến hành thủ tục giám định chữ viết, chữ ký của ông Vũ D. Tại Kết luận giám định số 29/GĐTL ngày 12/8/2016 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Ninh Bình kết luận như sau: Chữ ký mang tên giám đốc Vũ D dưới mục "Đại diện bên vay" trên tài liệu cần giám định ký hiệu A1, dưới mục "Giám đốc" trên tài liệu cần giám định ký hiệu A2, A3; chữ ký, chữ viết mang tên Vũ D trên tài liệu cần giám định ký hiệu A4, A5 so với chữ ký, chữ viết của Vũ D cuối các trang 1, 3, 5, 7, 9 và dưới mục "Đại diện bên thế chấp" tại trang 11 trên tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M1; dưới mục "Bên thế chấp" trên tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M2; dưới mục "Đại diện bên thế chấp" và "Đại diện bên được bảo đảm" trên tài liệu mẫu so sánh ký

hiệu M3; dưới mục "Bên bảo đảm" trên tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M4; tại góc dưới bên trái trên tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M5, M6 do cùng một người ký, viết ra.

Như vậy, việc ký kết hợp đồng tín dụng giữa các bên đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Căn cứ vào hợp đồng tín dụng và quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty A đã nhận đủ số tiền 1.550.000.000 đồng. Căn cứ vào Điều 361, Điều 362, Điều 363, Điều 369, Điều 471, Điều 474, Điều 715, Điều 716, Điều 717, Điều 718, Điều 719, Điều 720 và Điều 721 Bộ luật dân sự; Hội đồng xét xử xác định Công ty A còn nợ Ngân hàng số tiền nợ gốc là 1.550.000.000 đồng.

Về lãi suất:

Kể từ khi Công ty A vay tiền đến nay, Công ty A đã trả 28.911.111 đồng tiền lãi.

Tính đến ngày 20/12/2016, Ngân hàng đề nghị Tòa án buộc Công ty A trả nợ cả gốc và lãi cho Ngân hàng là 1.833.852.779 đồng (trong đó: số tiền nợ gốc là 1.550.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 190.548.612 đồng, nợ lãi quá hạn là 93.304.167 đồng).

Hội đồng xét xử thấy: việc tính lãi trong hạn và lãi quá hạn mà Ngân hàng yêu cầu Tòa án giải quyết đối với khoản vay của Công ty A là đúng theo thỏa thuận của hai bên trong hợp đồng tín dụng và theo Luật các tổ chức tín dụng. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận tổng số tiền lãi trong hạn và tiền lãi quá hạn mà Ngân hàng yêu cầu Công ty A phải trả tính đến ngày 20/12/2016 là 283.852.779 đồng, trong đó nợ lãi trong hạn là 190.548.612 đồng, nợ lãi quá hạn là 93.304.167 đồng và Công ty A phải tiếp tục trả lãi cho Ngân hàng theo hợp đồng tín dụng đã ký kết.

Căn cứ nội dung thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng giữa Ngân hàng với Công ty A thì Công ty A đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán về trả tiền nợ gốc và lãi. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc Công ty A phải trả tiền nợ gốc và lãi cho Ngân hàng là 1.833.852.779 đồng (trong đó: số tiền nợ gốc là 1.550.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 190.548.612 đồng, nợ lãi quá hạn là 93.304.167 đồng).

Kể từ ngày 21/12/2016, Công ty A còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng thì lãi suất mà Công ty A phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng.

Đối với các tài sản bảo đảm cho khoản vay của Công ty A gồm:

- Nhà ở và quyền sử dụng 159,6m² đất, tại thửa đất số 01, tờ bản đồ số 02, địa chỉ thửa đất: phố T, phường Đ, thành phố N, tỉnh Ninh Bình. Đất đã được UBND thành phố N cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở

và tài sản khác gắn liền với đất số BO 042740 ngày 08/3/2013 mang tên ông Vũ D và bà Nguyễn L. (Thể hiện tại hợp đồng thế chấp bất động sản số 20028/13/HĐ ngày 14/3/2013; tại thời điểm ký hợp đồng thế chấp, giá trị tài sản được xác định là 1.250.000.000 đồng; mức cho vay được tính bằng 80% giá trị tài sản thế chấp).

- Xe ô tô con 8 chỗ, nhãn hiệu TOYOTA, biển kiểm soát 35A-013.19. (Thể hiện tại hợp đồng thế chấp bằng tài sản của bên thứ ba số 20071/14/3861100/HĐBĐ ngày 14/5/2014; tại thời điểm ký hợp đồng thế chấp, giá trị tài sản được xác định là 360.000.000 đồng; mức cho vay được tính bằng 70% giá trị tài sản thế chấp).

- Nhà ở và quyền sử dụng 1.760m² đất, tại thửa đất số 140, tờ bản đồ số 06, địa chỉ thửa đất: xã P, thành phố N, tỉnh Ninh Bình. Đất đã được UBND thành phố N cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Đ 217896 ngày 23/9/2004 mang tên hộ ông Nguyễn M và bà Trần T. (Thể hiện tại hợp đồng thế chấp bất động sản số 20147/13/HĐ ngày 12/8/2013; tại thời điểm ký hợp đồng thế chấp, giá trị tài sản được xác định là 375.000.000 đồng; mức cho vay được tính bằng 80% giá trị tài sản thế chấp).

Xét thấy, các hợp đồng thế chấp nêu trên đều được công chứng và đăng ký giao dịch đảm bảo hợp pháp. Các tài sản bảo đảm đều thể hiện rõ ý chí của vợ chồng ông Vũ D, bà Nguyễn L; vợ chồng ông Nguyễn M, bà Trần T đồng ý dùng tài sản của mình để bảo lãnh, bảo đảm cho khoản vay của Công ty A tại Ngân hàng, bảo đảm nghĩa vụ thanh toán của Công ty A đối với Ngân hàng nên các hợp đồng thế chấp có hiệu lực pháp luật. Trường hợp Công ty A không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng thì Ngân hàng được quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền xử lý toàn bộ các tài sản thế chấp bảo đảm cho khoản vay của Công ty A để thu hồi nợ.

Hiện nay chiếc xe ô tô biển kiểm soát 35A-013.19 nêu trên đang do Ngân hàng TMCP G Việt Nam -Chi nhánh Ninh Bình quản lý (theo biên bản giao nhận xe ô tô ngày 27/7/2016 giữa bà Nguyễn L với Ngân hàng TMCP G Việt Nam – Chi nhánh Ninh Bình). Hội đồng xét xử tạm giao cho Ngân hàng TMCP G Việt Nam – Chi nhánh Ninh Bình quản lý xe ô tô để đảm bảo thi hành án.

Về chi phí giám định: Ngân hàng đề nghị giải quyết chi phí giám định theo pháp luật. Căn cứ khoản 1 Điều 162 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Công ty A phải chịu 10.885.000 đồng. Ngân hàng không phải chịu chi phí giám định. Do Ngân hàng đã nộp tiền tạm ứng chi phí giám định 10.885.000 đồng nên Công ty A phải hoàn trả lại cho Ngân hàng số tiền 10.885.000 đồng (Mười triệu tám trăm tám mươi lăm nghìn đồng).

Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Ngân hàng không phải nộp tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm; được hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí đã nộp. Công ty A phải nộp án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm, cụ thể:

$36.000.000 \text{ đồng} + 3\% \times 1.033.852.779 \text{ đồng} = 67.015.583 \text{ đồng}$, làm tròn 67.015.000 đồng.

Các đương sự trong vụ án có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Điều 361, Điều 362, Điều 363, Điều 369, Điều 471, Điều 474, Điều 715, Điều 716, Điều 717, Điều 718, Điều 719, Điều 720 và Điều 721 Bộ luật Dân sự;

Khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng;

Điều 227, Điều 228, Điều 147, Điều 150, khoản 1 Điều 162 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Khoản 2 Điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP G Việt Nam đối với Công ty TNHH A.

Buộc Công ty TNHH A phải trả cho Ngân hàng TMCP G Việt Nam tổng số tiền tính đến ngày 20/12/2016 là 1.833.852.779 đồng (Một tỷ, tám trăm ba mươi ba triệu, tám trăm năm mươi hai nghìn, bảy trăm bảy mươi chín đồng); trong đó, nợ gốc là 1.550.000.000 đồng (Một tỷ, năm trăm năm mươi triệu đồng), nợ lãi trong hạn là 190.548.612 đồng (Một trăm chín mươi triệu, năm trăm bốn mươi tám nghìn, sáu trăm mười hai đồng), lãi quá hạn là 93.304.167 đồng (Chín mươi ba triệu, ba trăm linh bốn nghìn, một trăm sáu mươi bảy đồng).

Kể từ ngày 21/12/2016, Công ty TNHH A còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc nêu trên. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng TMCP G Việt Nam thì lãi suất mà Công ty TNHH A phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng TMCP G Việt Nam theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng TMCP G Việt Nam.

Trường hợp Công ty TNHH A không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng TMCP G Việt Nam thì Ngân hàng TMCP G Việt Nam được quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án có thẩm quyền xử lý toàn bộ các tài sản thế chấp bảo đảm cho khoản vay của Công ty TNHH A để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật, cụ thể các tài sản sau:

- Nhà ở và quyền sử dụng 159,6m² đất, tại thửa đất số 01, tờ bản đồ số 02, địa chỉ thửa đất: phố T, phường Đ, thành phố N, tỉnh Ninh Bình. Đất đã được UBND thành phố N cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở

và tài sản khác gắn liền với đất số BO 042740 ngày 08/3/2013 mang tên ông Vũ D và bà Nguyễn L. (Thể hiện tại hợp đồng thế chấp bất động sản số 20028/13/HĐ ngày 14/3/2013; tại thời điểm ký hợp đồng thế chấp, giá trị tài sản được xác định là 1.250.000.000 đồng; mức cho vay được tính bằng 80% giá trị tài sản thế chấp).

- Xe ô tô con 8 chỗ, nhãn hiệu TOYOTA, biển kiểm soát 35A-013.19. (Thể hiện tại hợp đồng thế chấp bằng tài sản của bên thứ ba số 20071/14/3861100/HĐBĐ ngày 14/5/2014; tại thời điểm ký hợp đồng thế chấp, giá trị tài sản được xác định là 360.000.000 đồng; mức cho vay được tính bằng 70% giá trị tài sản thế chấp).

Tạm giao cho Ngân hàng TMCP G Việt Nam –Chi nhánh Ninh Bình quản lý xe ô tô nêu trên để đảm bảo thi hành án.

- Nhà ở và quyền sử dụng 1.760m² đất, tại thửa đất số 140, tờ bản đồ số 06, địa chỉ thửa đất: xã P, thành phố N, tỉnh Ninh Bình. Đất đã được UBND thành phố N cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Đ 217890 ngày 23/9/2004 mang tên hộ ông Nguyễn M và bà Trần T. (Thể hiện tại hợp đồng thế chấp bất động sản số 20147/13/HĐ ngày 12/8/2013; tại thời điểm ký hợp đồng thế chấp, giá trị tài sản được xác định là 375.000.000 đồng; mức cho vay được tính bằng 80% giá trị tài sản thế chấp).

2. Về chi phí giám định:

- Nguyên đơn không phải chịu chi phí giám định.

- Công ty TNHH A phải chịu 10.885.000 đồng chi phí giám định. Do Ngân hàng TMCP G Việt Nam – Chi nhánh Ninh Bình đã nộp tiền tạm ứng chi phí giám định 10.885.000 đồng nên Công ty TNHH A phải hoàn trả lại cho Ngân hàng TMCP G Việt Nam –Chi nhánh Ninh Bình số tiền 10.885.000 đồng (Mười triệu, tám trăm tám mươi lăm nghìn đồng).

3. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

- Nguyên đơn không phải nộp tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. Hoàn trả lại cho Ngân hàng TMCP G Việt Nam – Chi nhánh Ninh Bình 31.182.000 đồng (Ba mươi một triệu, một trăm tám mươi hai nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm đã nộp theo biên lai số AA/2016/0000056 ngày 26/4/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Ninh Bình.

- Công ty TNHH A phải nộp 67.015.000 đồng (Sáu mươi bảy triệu, không trăm mười lăm nghìn đồng) án phí kinh doanh thương mại.

Ngân hàng TMCP G Việt Nam, ông Nguyễn M, bà Trần T, anh Nguyễn Thế A, chị Lê Thị T, chị Nguyễn Thị K, anh Đinh Đ có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Công ty TNHH A, ông Vũ D, bà Nguyễn L có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận :

- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSTPNB;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS TPNB;
- Lưu TATP;
- LưuHSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký và đóng dấu)

Nguyễn Thị Phụng

